

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016*

## NỘI DUNG

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	3-4
<b>Báo cáo Tài chính</b>	5-26
Bảng cân đối kế toán	5-8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9-10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12-26

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương Phú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Phú thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 15 tháng 01 năm 2016.

Lĩnh vực hoạt động của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản, cụ thể là cà phê;
- Bán buôn sản phẩm nông nghiệp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế ngày 15 tháng 01 năm 2016 của Công ty là: 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty tại KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, H.Hướng Hóa, Quảng Trị.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 là 12.568.171.040 VND.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến thời điểm ngày 31/12/2016 là 22.032.747.026 VND.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Võ Quang Thành	: Chủ tịch HĐQT
Ông Hồ Văn Tiến	: Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thủy	: Thành viên
Ông Nguyễn Bá Nam	: Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thủy	: Thành viên (bỏ nhiệm ngày 19/01/2016)

#### Ban Giám đốc

Ông Võ Quang Thành	: Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14/01/2016)
Ông Nguyễn Hữu Ái	: Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 15/01/2016)
Ông Nguyễn Phương Nam	: Phó Tổng Giám đốc

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**

Địa chỉ: KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, H.Hướng Hóa, Quảng Trị

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Quảng Trị, ngày 31 tháng 12 năm 2016

**TM. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>57.987.642.693</b>	<b>46.188.118.188</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>4.793.749.456</b>	<b>7.045.930.519</b>
111	1. Tiền		4.793.749.456	7.045.930.519
112	1. Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
121	0. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	0. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	0. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>36.865.399.800</b>	<b>21.903.052.544</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	27.255.512.800	6.200.000.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	9.609.887.000	8.955.752.544
133	2. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	2. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	5.508.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	-	1.239.300.000
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>16.221.964.325</b>	<b>17.200.968.636</b>
141	1. Hàng tồn kho		16.221.964.325	17.200.968.636
149	1. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>106.529.112</b>	<b>38.166.489</b>
151	0. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	-	-
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		106.529.112	38.166.489
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	-	-
154	1. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	1. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>71.557.929.770</b>	<b>73.128.489.225</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
211	0. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	-	-
212	0. Trả trước cho người bán dài hạn	6	-	-
213	0. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	0. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	0. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	0. Phải thu dài hạn khác	7	-	-
219	0. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>10.120.084.115</b>	<b>11.646.913.639</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	10.120.084.115	11.646.913.639
222	- Nguyên giá		15.037.699.369	15.007.599.369
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4.917.615.254)	(3.360.685.730)
224	1. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
227	1. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	-
241	0. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	0. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>58.000.000.000</b>	<b>58.000.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		58.000.000.000	58.000.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	1. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	-
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.437.845.655</b>	<b>3.481.575.586</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	3.437.845.655	3.481.575.586
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	.a	-	-
263	1. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	1. Tài sản dài hạn khác		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>129.545.572.463</b>	<b>119.316.607.413</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>6.332.857.550</b>	<b>8.035.474.562</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.332.857.550</b>	<b>8.035.474.562</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	71.445.000	330.981.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	1.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	666.035.869	339.574.737
314	3. Phải trả người lao động		-	-
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	10.426.250	-
316	4. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	4. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	14.982.544	20.540.286
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	4.390.000.000	6.800.000.000
321	6. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.179.967.887	543.378.539
323	7. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	7. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
331	0. Phải trả người bán dài hạn	11	-	-
332	0. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	0. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
334	0. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	0. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	0. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	0. Phải trả dài hạn khác	14	-	-
338	0. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	-	-
339	0. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	0. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	0. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	.b	-	-
342	0. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	0. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>123.212.714.913</b>	<b>111.281.132.851</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>123.212.714.913</b>	<b>111.281.132.851</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.000.000.000	100.000.000.000
411b	Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	1. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	1. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	1. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

415	1. Cổ phiếu quỹ	-	-
416	1. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
417	1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	1.179.967.887	543.378.539
419	2. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
420	2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.032.747.026	10.737.754.312
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>9.464.575.616</i>	<i>4.371.860.832</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>12.568.171.410</i>	<i>6.365.893.480</i>
422	3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	-	-
431	0. Nguồn kinh phí	-	-
432	0. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>129.545.572.463</b>	<b>119.316.607.413</b>

Tey

Tey

Hò Văn Tiến  
Người lậpHò Văn Tiến  
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Ái  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 31 tháng 12 năm 2016



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Quý IV năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	00	VI.25	44.952.697.724	-	97.375.417.724	87.030.044.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	-	-	-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	VI.27	44.952.697.724	-	97.375.417.724	87.030.044.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	36.953.192.982	-	82.662.744.805	78.780.640.518
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		7.999.504.742	-	14.712.672.919	8.249.403.482
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	21.314.736	-	120.296.067	1.098.771
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	138.143.553	-	565.375.999	668.162.820
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		138.143.553	-	565.375.999	668.162.820
8. Chi phí bán hàng	24		10.380.000	-	10.380.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		270.544.229	-	1.014.906.520	876.871.216
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		7.601.751.696	-	13.242.306.467	6.705.468.217
11. Thu nhập khác	31		1.242.000	-	1.242.000	-
12. Chi phí khác	32		8.857.596	-	9.341.188	-

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Quý IV năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
13. Lợi nhuận khác	40		(7.615.596)	-	(8.099.188)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.594.136.100	-	13.234.207.279	6.705.468.217
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	380.782.136	-	666.035.869	339.574.737
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>7.213.353.964</u>	-	<u>12.568.171.410</u>	<u>6.365.893.480</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)			721	-	1.257	637

Người lập

*pen*

Hồ Văn Tiến

Kế toán trưởng

*pen*

Hồ Văn Tiến

Quảng Trị, ngày 31 tháng 12 năm 2016



Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Ái

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		13.234.207.279	6.705.468.217
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.556.929.524	1.404.421.188
	Khấu hao TSCĐHH trong kỳ (TM TSCĐHH)		1.556.929.524	
	Khấu hao TSCĐTTC trong kỳ (TM TSCĐTTC)		-	
	Khấu hao TSCĐVH trong kỳ (TM TSCĐVH)		-	
	Khấu hao BĐSĐT trong kỳ (TM BĐSĐT)		-	
	Khấu hao TSCĐ trong HTK cuối kỳ - ghi âm (trường hợp đơn)		-	
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(533.929)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(99.160.293)	(564.842)
06	- Chi phí lãi vay		565.375.999	668.162.820
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		15.257.352.509	8.776.953.454
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(20.538.709.879)	(2.498.809.842)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		979.004.311	(1.500.165.969)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(276.519.992)	(9.336.975.716)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		43.729.931	97.489.359
	Chi phí trả trước ngắn hạn cuối kỳ (CĐKT)		-	
	Chi phí trả trước ngắn hạn đầu kỳ (CĐKT)		-	
	Chi phí trả trước dài hạn cuối kỳ (CĐKT)		3.437.845.655	
	Chi phí trả trước dài hạn đầu kỳ (CĐKT)		(3.481.575.586)	
14	- Tiền lãi vay đã trả		(544.523.499)	(668.162.820)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(339.574.737)	-
	Thuế TNDN phát sinh trong kỳ (KQKD)		666.035.869	
	Thuế TNDN các năm trước hạch toán kỳ này (TM chi phí thuế)		-	
	Thuế TNDN tạm nộp của hoạt động kinh doanh BĐS (TM chi )		-	
	Thuế TNDN nộp thừa cuối kỳ (TM thuế phải thu)		-	
	Thuế TNDN nộp thừa đầu kỳ (TM thuế phải thu)		-	
	Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ (TM thuế phải nộp)		(666.035.869)	
	Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ (TM thuế phải nộp)		339.574.737	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.419.241.356)	(5.129.671.534)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(30.100.000)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(5.508.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.508.000.000	-

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		99.160.293	564.842
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<b>5.577.060.293</b>	<b>(5.507.435.158)</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	16.000.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		16.177.500.000	24.086.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(18.587.500.000)	(24.286.000.000)
	<i>Net</i>		<i>(2.410.000.000)</i>	
	<i>Vay ngắn hạn cuối kỳ (TM Vay và nợ thuê TC)</i>		<i>4.390.000.000</i>	
	<i>Vay ngắn hạn đầu kỳ (TM Vay và nợ thuê TC)</i>		<i>(6.800.000.000)</i>	
	<i>Vay dài hạn cuối kỳ (TM Vay và nợ thuê TC)</i>		-	
	<i>Vay dài hạn đầu kỳ (TM Vay và nợ thuê TC)</i>		-	
	<i>Trái phiếu thường cuối kỳ (TM Trái phiếu phát hành)</i>		-	
	<i>Trái phiếu thường đầu kỳ (TM Trái phiếu phát hành)</i>		-	
	<i>Trái phiếu chuyển đổi (NPT) cuối kỳ (CĐKT)</i>		-	
	<i>Trái phiếu chuyển đổi (NPT) đầu kỳ (CĐKT)</i>		-	
	<i>Cổ phiếu ưu đãi (NPT) cuối kỳ</i>		-	
	<i>Cổ phiếu ưu đãi (NPT) đầu kỳ</i>		-	
	<i>Đánh giá CLTG vay ngoại tệ cuối kỳ (lỗ ghi âm/lãi ghi dương)</i>		-	
	<i>Net</i>		<i>(2.410.000.000)</i>	
	<i>Test</i>		-	
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<b>(2.410.000.000)</b>	<b>15.800.000.000</b>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<b>(2.252.181.063)</b>	<b>5.162.893.308</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm 2016  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7.045.930.519	1.882.503.282
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	533.929
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>4.793.749.456</u>	<u>7.045.930.519</u>

*Tren*

*Tren*



Hồ Văn Tiến  
Người lập

Hồ Văn Tiến  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ái  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 31 tháng 12 năm 2016

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Năm 2016*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 15 tháng 01 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 100.000.000.000 đồng; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản, cụ thể là cà phê;
- Bán buôn sản phẩm nông nghiệp.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số .

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

### **2.4. Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**2.6. Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

**2.7. Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào các công ty con* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**2.8. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.9. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**2.1. Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
- Tài sản cố định khác	08 năm

**2.1. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



**2.1. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.1. Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.1. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.1. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**2.1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.1. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.1. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp****Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**Ưu đãi thuế**

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên thu nhập tính thuế áp dụng cho doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn có điều kiện khó khăn theo quy định. Công ty được miễn thuế TNDN trong 5 năm từ năm 2010 đến năm 2014, và giảm 50% số thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo quy định tại khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 "Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp."

**2.2. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	193.768.909	1.505.088.227
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.599.980.547	5.540.842.292
	<u><b>4.793.749.456</b></u>	<u><b>7.045.930.519</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh  
Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>58.000.000.000</b>	-	-	<b>58.000.000.000</b>	-	-
- Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	58.000.000.000	-	-	58.000.000.000	-	-
	<b>58.000.000.000</b>	-	-	<b>58.000.000.000</b>	-	-

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	Hà Nội	96,67%	96,67%	Sản xuất và buôn bán nông, lâm sản

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ Phần Thanh Hà	-	6.200.000.000
- Công ty Cổ Phần cà phê Tây Bắc	19.693.512.800	-
- Công ty TNHH Tây Hà	7.562.000.000	-
	<b>27.255.512.800</b>	<b>6.200.000.000</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	27.255.512.800	6.200.000.000
	<b>27.255.512.800</b>	<b>6.200.000.000</b>
<b>c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28.	-	<b>3.900.000.000</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Trần Bá Hiếu	2.867.600.000	-	2.000.000.000	-
Trần Thanh Phong	2.352.287.000	-	2.801.812.600	-
Hoàng Văn Dũng	-	-	4.153.939.944	-
Hoàng Thị Thu Huyền	4.390.000.000	-	-	-
	<b>9.609.887.000</b>	<b>-</b>	<b>8.955.752.544</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	-	-	1.239.300.000	-
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.239.300.000</b>	<b>-</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	8.841.479.600	-
Công cụ, dụng cụ	12.420.000	-	-	-
Thành phẩm	11.292.544.325	-	8.359.489.036	-
Hàng hoá	4.917.000.000	-	-	-
	<b>16.221.964.325</b>	<b>-</b>	<b>17.200.968.636</b>	<b>-</b>

## 9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	7.551.699.369	6.030.700.000	1.023.200.000	402.000.000	15.007.599.369
- Mua trong năm	-	30.100.000	-	-	30.100.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.551.699.369</b>	<b>6.060.800.000</b>	<b>1.023.200.000</b>	<b>402.000.000</b>	<b>15.037.699.369</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	1.393.890.086	1.291.779.891	511.600.000	163.415.753	3.360.685.730
- Khấu hao trong năm	757.669.940	621.109.584	127.900.000	50.250.000	1.556.929.524
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.151.560.026</b>	<b>1.912.889.475</b>	<b>639.500.000</b>	<b>213.665.753</b>	<b>4.917.615.254</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	6.157.809.283	4.738.920.109	511.600.000	238.584.247	11.646.913.639
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>5.400.139.343</b>	<b>4.147.910.525</b>	<b>383.700.000</b>	<b>188.334.247</b>	<b>10.120.084.115</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.158.596.941 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí chuẩn bị mặt bằng nhà xưởng 13.151 m2	3.353.839.875	3.439.866.407
Chi phí trả trước dài hạn khác	84.005.780	41.709.179
	<b>3.437.845.655</b>	<b>3.481.575.586</b>

**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Hợp Phát	-	-	209.860.000	209.860.000
Công ty CP Gap Việt Nam	-	-	86.000.000	86.000.000
Công ty TNHH MTV TM Tư Thành	69.945.000	69.945.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.500.000	1.500.000	35.121.000	35.121.000
	<b>71.445.000</b>	<b>71.445.000</b>	<b>330.981.000</b>	<b>330.981.000</b>
<b>b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán</b>				
Phải trả người bán ngắn hạn	71.445.000	71.445.000	330.981.000	330.981.000
	<b>71.445.000</b>	<b>71.445.000</b>	<b>330.981.000</b>	<b>330.981.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh  
Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	339.574.737	666.035.869	339.574.737	-	666.035.869
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	2.958.975	2.958.975	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	<b>339.574.737</b>	<b>671.994.844</b>	<b>345.533.712</b>	-	<b>666.035.869</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	10.426.250	-
	<b>10.426.250</b>	-

**14 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	12.510.600	12.272.286
- Bảo hiểm y tế	1.748.360	5.724.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	723.584	2.544.000
	<b>14.982.544</b>	<b>20.540.286</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh  
Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**15 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội_ Chi nhánh Hà Đông	6.800.000.000	6.800.000.000	16.177.500.000	18.587.500.000	4.390.000.000	4.390.000.000
	<b>6.800.000.000</b>	<b>6.800.000.000</b>	<b>16.177.500.000</b>	<b>18.587.500.000</b>	<b>4.390.000.000</b>	<b>4.390.000.000</b>

**Thông tin chi tiết cho khoản vay ngắn hạn:**

Hợp đồng tín dụng số 348/2016/HĐHM-PN/SHB ngày 03/11/2016 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Hà Đông, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 10 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cà phê;
- + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày 03/11/2016 đến ngày 03/11/2017, thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức tín dụng được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ nhưng tối đa không vượt quá 06 tháng;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 4.390.000.000 đồng
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản và máy móc thiết bị tại Nhà máy sản xuất cà phê và một số tài sản hợp pháp của các cá nhân khác.

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	185.652.635	5.087.312.640	25.272.965.275
Tăng vốn trong năm trước	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	6.365.893.480	6.365.893.480
Phân phối lợi nhuận	-	357.725.904	(715.451.808)	(357.725.904)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>543.378.539</b>	<b>10.737.754.312</b>	<b>111.281.132.851</b>
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	543.378.539	10.737.754.312	111.281.132.851
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	12.568.171.410	12.568.171.410
Phân phối lợi nhuận	-	636.589.348	(1.273.178.696)	(636.589.348)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>1.179.967.887</b>	<b>22.032.747.026</b>	<b>123.212.714.913</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2016/CTP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 01 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2015	100,00%	10.737.754.312
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,93%	636.589.348
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,93%	636.589.348
Lợi nhuận chưa phân phối	88,14%	9.464.575.616

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Bà Nguyễn Thị Thủy	15,00%	15.000.000.000	74,00%	74.000.000.000
Ông Võ Quang Thành	0,00%	-	14,00%	12.000.000.000
Các cổ đông khác	85,00%	85.000.000.000	14,00%	14.000.000.000
	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>88%</b>	<b>100.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	100.000.000.000	20.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	80.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	100.000.000.000	100.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.179.967.887	543.378.539
	<b>1.179.967.887</b>	<b>543.378.539</b>

**17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	55,87	49,53

**18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán thành phẩm	94.995.937.724	81.070.044.000
Doanh thu bán hàng hóa	2.379.480.000	5.960.000.000
	<b>97.375.417.724</b>	<b>87.030.044.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	79.483.959.095	70.797.533.985
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.364.233.000	6.862.802.573
Các khoản chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ	814.552.710	1.120.303.960
	<b>82.662.744.805</b>	<b>78.780.640.518</b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	99.160.293	564.842
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	21.135.774	533.929
	<b>120.296.067</b>	<b>1.098.771</b>

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	565.375.999	668.162.820
	<b>565.375.999</b>	<b>668.162.820</b>

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.161.975	-
Chi phí nhân công	560.728.225	705.051.660
Thuế, phí, lệ phí	5.958.975	5.958.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	264.193.688	144.406.431
Chi phí khác bằng tiền	113.863.657	21.454.150
	<b>1.014.906.520</b>	<b>876.871.216</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.234.207.279	6.705.468.217
Các khoản điều chỉnh tăng	86.510.123	86.026.531
- Chi phí không hợp lệ	86.510.123	86.026.531
Thu nhập chịu thuế TNDN	13.320.717.402	6.791.494.748
Thuế suất thuế TNDN	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	1.332.071.739	679.149.475
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(666.035.870)	(339.574.738)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>666.035.869</b>	<b>339.574.737</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	339.574.737	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(339.574.737)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>666.035.869</b>	<b>339.574.737</b>

**24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.180.804.107	58.078.140.400
Chi phí nhân công	878.299.450	819.513.198
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.556.929.524	1.404.421.188
Chi phí dịch vụ mua ngoài	327.874.412	107.271.681
Chi phí khác bằng tiền	121.850.121	203.711.636
<b>Tổng chi phí sản xuất kinh doanh</b>	<b>71.065.757.614</b>	<b>60.613.058.103</b>

**25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	4.793.749.456	-	7.045.930.519	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.255.512.800	-	7.439.300.000	-
Các khoản cho vay	-	-	5.508.000.000	-
<b>Tổng tài sản tài chính</b>	<b>32.049.262.256</b>	<b>-</b>	<b>19.993.230.519</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	4.390.000.000	6.800.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	86.427.544	351.521.286
Chi phí phải trả	10.426.250	-
	<b>4.486.853.794</b>	<b>7.151.521.286</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.793.749.456	-	-	4.793.749.456
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.255.512.800	-	-	27.255.512.800
	<b>32.049.262.256</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>32.049.262.256</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.045.930.519	-	-	7.045.930.519
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.439.300.000	-	-	7.439.300.000
Các khoản cho vay	5.508.000.000	-	-	5.508.000.000
	<b>19.993.230.519</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>19.993.230.519</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Vay và nợ	4.390.000.000	-	-	4.390.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	86.427.544	-	-	86.427.544
Chi phí phải trả	10.426.250	-	-	10.426.250
	<b>4.486.853.794</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.486.853.794</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	6.800.000.000	-	-	6.800.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	351.521.286	-	-	351.521.286
	<b>7.151.521.286</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.151.521.286</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Sản xuất cà phê VND	Bán buôn hàng nông sản VND	<b>toàn doanh nghiệp</b> VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	94.995.937.724	2.379.480.000	97.375.417.724
Chi phí bộ phận trực tiếp	80.298.278.033	2.364.466.772	82.662.744.805
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>14.697.659.691</b>	<b>15.013.228</b>	<b>14.712.672.919</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	30.100.000	-	30.100.000
Tài sản bộ phận trực tiếp	58.290.448.240	4.917.000.000	63.207.448.240
Tài sản không phân bổ	-	-	66.338.124.223
<b>Tổng tài sản</b>	<b>58.290.448.240</b>	<b>4.917.000.000</b>	<b>129.545.572.463</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	71.445.000	-	71.445.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	6.261.412.550
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>71.445.000</b>	<b>-</b>	<b>6.332.857.550</b>

**Theo khu vực địa lý**

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	<b>toàn doanh nghiệp</b> VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	92.598.732.800	<b>4.776.684.924</b>	97.375.417.724
Tài sản bộ phận	129.545.572.463	-	129.545.572.463
Tổng chi phí mua TSCĐ	30.100.000	-	30.100.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 15.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Góp vốn</b>		-	<b>58.000.000.000</b>
Công ty CP Nasan Việt Nam	Công ty con	-	58.000.000.000
<b>Cho vay</b>		-	<b>3.900.000.000</b>
Công ty CP Nasan Việt Nam	Công ty con	-	3.900.000.000
<b>Mua hàng hóa</b>		<b>2.364.233.000</b>	-
Công ty CP Nasan Việt Nam	Công ty con	2.364.233.000	-
<b>Phải thu cho vay</b>		-	<b>3.900.000.000</b>
Công ty CP Nasan Việt Nam	Công ty con	-	3.900.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	265.443.387	107.376.000

**29 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

*pen**pen*

**Hồ Văn Tiến**  
Người lập

**Hồ Văn Tiến**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Hữu Ái**  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 31 tháng 12 năm 2016